

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 45/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi QA – Chuyên viên xử lý nợ theo Giấy ủy quyền số 1259/2022/UQ-VPB ngày 28/02/2022 của Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 và vợ là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Quang Huy sinh năm 2011, cháu Nguyễn Mạnh Hùng sinh năm 2013 và Nguyễn Đăng Khoa sinh ngày 19/7/2022 (là con của anh T – chị T1, do anh chị là người đại diện theo pháp luật).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng cư trú tại: Thôn Đại Tảo, xã Đại Thành, huyện Qo, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP V và vợ chồng ông Nguyễn Văn T - bà Nguyễn Thị T1 xác nhận tính đến ngày 16/8/2022, ông T – bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 460.538.476 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*) theo Hợp đồng cho vay số LN2001152108281 ngày 16/01/2020. Trong đó:

+ Nợ gốc: 337.322.611đ (*Ba trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười một đồng*).

+ Nợ lãi: 112.041.684đ (*Một trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm tám mươi tư đồng*) bao gồm lãi trong hạn: 7.388.136 đ (*Bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng*) và lãi quá hạn: 104.653.548đ (*Một trăm linh bốn triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng*).

+ Phạt chậm trả: 11.174.181đ (*Mười một triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi mốt đồng*).

2.2. Ngân hàng đồng ý giảm một phần nợ lãi cho ông T - bà T1 và không tính lãi phát sinh từ ngày 17/8/2022 cho đến khi tất toán đồng thời thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm cho ông T - bà T1 trong trường hợp ông T - bà T1 T1 toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền 415.000.000 đồng (*Bốn trăm mười lăm triệu đồng*) gồm nợ gốc 337.322.611đ (*Ba trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười một đồng*) và nợ lãi 77.677.389đ (*Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*) đúng, đủ trong 03 đợt như sau:

- Chậm nhất đến ngày 24/9/2022, ông T - bà T1 phải T1 toán trả Ngân hàng 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*).

- Chậm nhất đến ngày 24/10/2022, ông T - bà T1 phải T1 toán trả Ngân hàng 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Chậm nhất đến ngày 24/11/2022, ông T - bà T1 phải T1 toán trả Ngân hàng 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

2.3. Trường hợp ông T - bà T1 vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào nêu tại điểm 2.2 (vi phạm về số tiền phải trả hoặc thời hạn T1 toán) thì:

- Ông T - bà T1 phải T1 toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 16/8/2022 là: 460.538.476đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*) như nêu tại điểm 2.1 mục 2.

- Đồng thời ông T – bà T1 tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/8/2022 trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi T1 toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông T - bà T1 phải tiếp tục T1 toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

- Trường hợp ông T – bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T1 toán số tiền nêu tại điểm 2.1 mục 2 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2022 theo Hợp đồng cho vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 169, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Xã Đại Thành, huyện Qo, Thành phố Hà Nội. Thửa đất đã được UBND huyện Qo, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 876075, số vào sổ cấp GCN: CH01820 cấp ngày 29/5/2017 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn T. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác do Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi – Thành phố Hà Nội công chứng số 295/2020, quyền số 01-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2020; Đã được Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội – Chi nhánh huyện Qo ngày 17/01/2020.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi T1 toán trả nợ cho Ngân hàng nếu thừa sẽ trả lại ông T - bà T1; nếu không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông T - bà T1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2.4. Về án phí: Ông T - bà T1 phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm là 10.150.000 đồng (*Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.635.000đ (*Mười triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000280 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Qo.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Qo;
- Chi cục THADS huyện Qo
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy